

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P T
TỈNH G L**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST

Ngày: 04- 7- 2023

“V/v tranh chấp

Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P T, TỈNH G L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc

2. Bà Nguyễn Thị Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P T, tỉnh G L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P T, tỉnh G L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện P T, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2022/TLST - DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-DS ngày 09/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Đ (Tên gọi khác: Mị T), sinh năm 1971

Trú tại: Thôn Plei K, xã I P, huyện P T, tỉnh G L. Có mặt

- Bị đơn: Anh Ksor N (Tên gọi khác: Ma L), sinh năm 1978, chị Siu H’D, sinh năm 1980

Trú tại: Thôn Sô Ma R, xã I P, huyện P T, tỉnh G L. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2022, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Do quen biết nhau từ trước, nên ngày 21/3/2020 anh Ksor N, và chị Siu H’D, trú tại thôn Sô Ma R, xã I P, huyện P T, tỉnh G L đến nhà tôi mượn số tiền 193.940.000 đồng. Tôi viết giấy mượn tiền, còn anh Ksor N và chị Siu H’D ký nhận. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là mùa mì năm 2020. Lãi suất tự thỏa thuận bằng miệng với nhau là 1%/tháng.

Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ, tôi đã nhiều lần đến yêu cầu anh N, chị H’D trả tiền nhưng anh, chị không trả.

Nay tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh N, chị H’D trả cho tôi

số tiền gốc 193.940.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 0,83%/tháng, thời hạn tính lãi từ tháng 01/2021 đến tháng 7/2023, làm tròn là 30 tháng.

- *Bị đơn anh Ksor N, và chị Siu H'D*: Anh Ksor N, và chị Siu H'D là người chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn; Có nơi cư trú và sinh sống tại thôn Sô Ma R, xã I P, huyện P T, tỉnh G L. Tuy nhiên, hiện anh N, chị H'D đều vắng mặt tại địa phương, thường đi làm xa, thỉnh thoảng mới về nhà, nhà ở hiện chỉ có con nhỏ đang đi học. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh N, chị H'D, nhưng anh chị không đến Tòa án làm việc, tại phiên tòa anh chị cũng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P T, tỉnh G L tại phiên tòa*:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cung cấp đầy đủ chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về phần nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; căn cứ các điều 21, 58, 91, 93, 95, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh N, chị H'D có nghĩa vụ trả nợ cho bà Bùi Thị Đ số tiền gốc 193.940.000 đồng và tiền lãi 48.291.060 đồng; tổng cộng: 242.231.060 đồng.

Buộc anh N, chị H'D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị Đ khởi kiện yêu cầu thực hiện hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Ksor N, và chị Siu H'D có nơi cư trú tại xã I P, huyện P T, tỉnh G L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P T, tỉnh G L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Ksor N, và chị Siu H'D không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 21/3/2020 anh Ksor N, chị Siu H'D có mượn của chị Bùi Thị Đ số tiền 193.940.000 đồng.

Hai bên xác lập giấy mượn tiền trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật,

không trái đạo đức xã hội; nội dung và hình thức giấy mượn tiền phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày các bên xác lập.

Sau khi lập giấy mượn tiền, chị Đ đã giao cho anh Ksor N, chị Siu H'D số tiền 193.940.000 đồng.

Theo thỏa thuận giữa các bên thì đến cuối vụ mì năm 2020 anh Ksor N, chị Siu H'D có nghĩa vụ trả cho chị Đ số tiền 193.940.000 đồng.

Đến nay, anh Ksor N, chị Siu H'D đã không trả cho chị Đ là vi phạm Hợp đồng cho vay giữa các bên đã ký kết.

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận:

Buộc anh Ksor N và chị Siu H'D có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị Đ:

- Số tiền gốc: 193.940.000 đồng.

- Đối với lãi suất: Căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự, trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Qua xác minh ở Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì cuối vụ mì năm 2020 được tính từ ngày đầu tháng 12/2020 đến ngày 25/12/2020; như vậy, tiền lãi được tính từ khi bên vay vi phạm thời hạn trả nợ, tức ngày 26/12/2020 đến ngày xét xử; tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất là 0,83%/tháng, với thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2021 đến ngày 01/7/2023, làm tròn là 30 tháng là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật, nên HĐXX chấp nhận.

Tiền lãi được tính: $193.940.000 \text{ đ} \times 0,83 \% / \text{tháng} \times 30 \text{ tháng} = 48.291.060 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: 242.231.060 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm ba mươi một nghìn, không trăm sáu mươi đồng).

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P T, tỉnh G L tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của đại diện Viện kiểm sát;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc anh Ksor N và chị Siu H'D có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị Đ số tiền 242.231.060 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm ba mươi một nghìn, không trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả được hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc anh Ksor N, chị Siu H'D phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm 12.111.553 đồng (Mười hai triệu, một trăm mười một nghìn, năm trăm năm mươi ba đồng) sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho chị Bùi Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.400.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0008023 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P T, tỉnh G L.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P T;
- Chi Cục THS DS huyện P T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Dương Đình Mạnh